

# MÔ HÌNH NHÓM TRẺ GIA ĐÌNH TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC MẦM NON CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ VIỆT NAM

TS. PHẠM BÍCH THỦY\*

Ngày nhận bài: 20/05/2016; ngày sửa chữa: 24/05/2016; ngày duyệt đăng: 25/05/2016.

**Abstract:** This article presents viewpoints and policies on model of children raised at home in preschool education systems of some countries and Vietnam. Model of children raised at home is a kind of pre-school education which individuals or organizations raise children at home with small size to meet the need of parents on taking care children aged 3 months to 24 months. This model is being applied in many countries and in Vietnam, managed by the state and received supports from the state budget. In Vietnam, this model is not much considered by managers so quality of education is still limited and does not match with parent's requirements.

**Keywords:** Model of children raised at home, preschool education, private preschools.

## 1. Đặt vấn đề

Giáo dục và đào tạo (GD-ĐT) có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển KT-XH của một quốc gia, một khu vực. Trong đó, giáo dục mầm non (GDMN) với những đặc trưng cơ bản của mình - bậc học đầu tiên lại càng thể hiện giá trị quan trọng đó. Vấn đề xã hội hóa, đa dạng hóa loại hình GDMN lại càng trở nên cấp thiết trong định hướng phát triển giáo dục (GD) tiệm cận với nhu cầu của người học. Theo Điều lệ trường mầm non (MN) (ban hành kèm Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/04/2008), trường MN, trường mẫu giáo, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập được tổ chức theo các loại hình: công lập, dân lập và tư thục. Bao gồm 3 loại hình: - Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo công lập do cơ quan Nhà nước thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên; - Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo dân lập do cộng đồng dân cư ở cơ sở thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí hoạt động và được chính quyền địa phương hỗ trợ; - Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tư thục do tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí hoạt động bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước [1].

Trên thực tế, chúng ta vẫn còn những "mảng tối" trong bức tranh về GDMN. Vẫn còn những nơi, những cơ sở GD để xảy ra các sai phạm bạo hành trẻ em. Cơ sở GDMN ngoài công lập phát triển "tự phát, manh mún, thiếu ổn định", thiếu công cụ pháp lí. Sự phối hợp giữa chính quyền và các cơ quan quản lí (QL) GD còn chưa chặt chẽ. Biên chế cán bộ QL GDMN có

giới hạn, kiêm nhiệm nhiều công tác. Các trường công lập hiện chưa đáp ứng được nhu cầu nhận trẻ dưới 12 tháng tuổi, các trường tư thục đầu tư bài bản thì hạn chế nhận trẻ độ tuổi này. Do đó, ở một số địa phương vẫn tồn tại khá nhiều nhóm trẻ tự phát để đáp ứng nhu cầu gửi con. Dù biết chất lượng nuôi dạy trẻ ở các nhóm này còn nhiều hạn chế, rủi ro, mất an toàn, ngộ độc thực phẩm... nhưng phần lớn phụ huynh vẫn phải gửi con vì một phần giá rẻ và tiện cho công việc. Đặc biệt, đối với những cơ sở GD không phép, những nhóm trẻ tự phát, việc QL hoàn toàn không đơn giản.

Nguyên nhân gây ra tình trạng đó, theo nguyên Thứ trưởng Bộ GD-ĐT Trần Xuân Nhĩ, xuất phát từ sự QL của nhà nước, thiếu chế tài trong quá trình thực hiện, lỗi ở công tác đào tạo quá nhiều lí thuyết mà ít thực hành (trích VN Express ngày 31/10/2011). Về biện pháp QL GDMN ngoài công lập, chúng ta có thể chia thành 2 cấp độ: Thứ nhất, các biện pháp QL của các cán bộ QL của cơ sở GDMN đối với các hoạt động chăm sóc, GD trẻ; Thứ hai, các biện pháp QL của các chủ thể QL nhà nước về GD-ĐT đối với các cơ sở GDMN. Thực tế hiện nay, biện pháp QL cấp độ 1 khá đầy đủ và hiệu quả, đặc biệt là đối với các cơ sở GDMN có phép. Nhưng tính hiệu quả của các biện pháp QL ở cấp độ 2 thì chưa có một đánh giá nào kiểm định.

Như vậy, khái niệm "nhóm trẻ gia đình" được phân tích trong bài viết này bao gồm các nhóm trẻ do cá nhân hoặc một nhóm cá nhân tổ chức nuôi dạy trẻ tại nhà hoặc nhà thuê với quy mô nhỏ. Đây là mô hình phát triển đáp ứng được nhu cầu thực tế của các bậc

\* Trưởng Cán bộ quản lí giáo dục TP. Hồ Chí Minh

cha mẹ. Tuy nhiên, công tác chăm sóc, nuôi dưỡng GD trẻ trong nhóm trẻ gia đình và QL mô hình này tại Việt Nam còn gặp nhiều hạn chế. Chúng ta cần tìm hiểu vấn đề QL mô hình này tại một số quốc gia và vận dụng vào thực tế tại Việt Nam.

## **2. Nhóm trẻ gia đình trong hệ thống GDMN của một số quốc gia trên thế giới**

Theo báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học của tác giả Lê Xuân Hồng, có thể khái quát vị trí của nhóm trẻ gia đình trong hệ thống GDMN của một số quốc gia như sau:

**2.1. Australia.** Các dịch vụ GDMN tùy thuộc vào chính sách cụ thể của từng bang nhưng nhìn chung nó tồn tại dưới 03 hình thức: trung tâm chăm sóc GD trẻ 0-6 tuổi; nhóm trẻ gia đình 0-2 tuổi; trường mẫu giáo dành riêng cho trẻ 5 tuổi.

Chính phủ ban hành những quy chuẩn, bắt buộc áp dụng với mọi loại hình cơ sở GDMN. Chính phủ liên bang không đứng ra trực tiếp tổ chức mà chỉ giữ vai trò người tài trợ cho các dịch vụ chăm sóc trẻ. Chẳng hạn, với trung tâm chăm sóc GD trẻ và nhóm trẻ gia đình thì Chính phủ liên bang hỗ trợ một phần để xây nhà, mua sắm trang thiết bị, đồng thời trợ cấp cho mỗi đầu trẻ một khoản tiền nhất định. Ngoài ra, nếu các cơ sở này hoạt động 10 giờ/1 ngày thì sẽ được hưởng thêm một khoản trợ cấp nhỏ. Chính quyền bang bù thêm kinh phí sao cho cân bằng thu chi. Còn loại hình trường mẫu giáo thì được tài trợ hoàn toàn.

**2.2. New Zealand.** Các cơ sở GDMN do cộng đồng hoặc do các tổ chức tư nhân thành lập. Chính phủ tài trợ cho tất cả các loại hình với điều kiện tiên quyết là cơ sở GDMN đó phải đáp ứng được các chuẩn do Bộ GD đưa ra. Theo nguyên tắc, Chính phủ tài trợ 50% chi phí hoạt động của các cơ sở GDMN không phân biệt cơ sở công lập, dân lập hay tư thực. Phần còn lại là do cha mẹ đóng góp. Có gia đình khó khăn hoặc có con tuổi MN bị khuyết tật có thể làm đơn xin miễn đóng góp thông qua Vụ Phúc lợi của Chính phủ.

**2.3. Trung Quốc.** Chính phủ Trung Quốc đã khẳng định, GD trẻ 3-6 tuổi là bậc GD quốc gia đầu tiên và chủ trương xã hội hóa GDMN cũng đã hình thành từ rất sớm.

Nhà nước đã huy động mọi nguồn lực, mọi tổ chức khác nhau tham gia vào phát triển GDMN, ở cả nông thôn và thành thị. Họ đặt ra những yêu cầu hết sức rõ ràng, cụ thể về mục đích GD, chế độ sinh hoạt và chương trình thích hợp cho trẻ. GDMN có 3 loại hình cơ sở nhà trường: trường MN được cơ quan GD, nhà

nước hoặc viện nghiên cứu đỡ đầu; trường MN do các nhà máy, đơn vị quân đội... thành lập và QL; trường MN do tư nhân thành lập.

Các loại hình trường trên đều phải thực hiện các quy định của Bộ GD về đồ dùng, tài liệu, tổ chức bộ máy và các hoạt động trong trường mẫu giáo.

**2.4. Hàn Quốc.** Thành phần tư nhân đóng vai trò rất lớn trong sự hình thành và phát triển Chương trình chăm sóc và GD trẻ MN ở Hàn Quốc. Trong xã hội truyền thống của Hàn Quốc, trẻ em còn nhỏ sống trong gia đình nhiều thế hệ được cha mẹ, ông bà, cô chú bác... chăm sóc và GD. Vào đầu thế kỉ XX chỉ mới có một vài trường mẫu giáo tư dành cho con em viên chức cao cấp Hàn Quốc, Mĩ và Nhật.

Sau khi Chính phủ Hàn Quốc được thiết lập năm 1945, Bộ GD Hàn Quốc có sự thay đổi GD dực trẻ nhỏ và xây dựng Luật GD trẻ mẫu giáo, trong đó có xác định các môn học và phương pháp GD, tuổi đi học của trẻ, các nghề nghiệp giáo viên. Vào năm 1969, Chương trình mẫu giáo quốc gia đầu tiên được giới thiệu. Trong khi GDMN chịu sự giám sát của Bộ GD và Phát triển nguồn nhân lực, thì dịch vụ chăm sóc trẻ nhà trẻ được phát triển như là một phần của hệ thống phúc lợi hướng tới trẻ nhỏ bị thiệt thòi và chịu sự giám sát của Bộ Sức khỏe và Phúc lợi. Cơ sở chăm sóc trẻ đầu tiên là Trung tâm phúc lợi Taewha được thành lập 1921 như là một tổ chức tôn giáo tư. Từ đó kéo dài trong 50 năm các trung tâm chăm sóc trẻ nhằm mục đích đảm bảo tối thiểu sự an toàn và những nhu cầu cơ bản của trẻ em thuộc các gia đình nghèo.

Những nơi cung cấp dịch vụ cho chương trình Chăm sóc và GD trẻ bao gồm các trường mẫu giáo quốc gia, cộng đồng và tư nhân và các trung tâm chăm sóc trẻ quốc gia, cộng đồng và tư nhân (sở hữu cá nhân hay là trên cơ sở công ti) thường gọi là các nhà trẻ hoặc các phòng chơi cho trẻ. Hầu hết các trường mẫu giáo tư có các ngôi nhà sở hữu riêng và khoảng một nửa có hơn 4 lớp học. Hầu hết các trường mẫu giáo công và cộng đồng đều có sự gắn bó với trường tiểu học có 1 hoặc 2 lớp.

**2.5. Vương quốc Thái Lan.** Từ thời vua Rama V, hình thức GDMN ngoài công lập đã tồn tại. Năm 1986, Chính phủ Thái Lan đã phê duyệt đề án "mẫu giáo ở nông thôn" để đáp ứng nhu cầu GD trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Nhà nước Thái Lan không quy định nhà trẻ, mẫu giáo nằm trong hệ thống phổ cập GD. Nhà nước cung cấp một phần (khoảng 30%), còn lại do khu vực tư nhân (cha mẹ, các hội, các nhà tổ chức). Ở trường mẫu giáo công, chủ yếu ở đô thị, Chính phủ chỉ xây

dựng nhà cửa, trang thiết bị, lương giáo viên và các chi phí khác. Ở các trung tâm phát triển trẻ khu vực nông thôn, Chính phủ cung cấp ngân sách cho trang thiết bị và lương giáo viên, cha mẹ trả các chi phí khác, mức đóng góp tùy theo chất lượng từng trường. Ở các vùng đặc biệt khó khăn, các dịch vụ GDMN thường được các tổ chức phi Chính phủ tài trợ gần như hoàn toàn.

Tóm lại, nhóm trẻ gia đình là một trong hình thức của GDMN ngoài công lập. Nó tồn tại ở hầu như mọi quốc gia trên thế giới. Đa phần, hình thức GD này chịu sự QL của nhà nước và nhận được nhiều sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

### **3. Nhóm trẻ gia đình trong hệ thống GDMN ở Việt Nam**

Trong thời kì Pháp thuộc chưa có hệ thống nhà trẻ và nhóm trẻ, chỉ có một vài cơ sở trông trẻ mang tính chất cứu tế, từ thiện như: trại trẻ mồ côi Soent Antoine, trại Tế Sinh Hà Nội. Trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo không được Nhà nước và xã hội chăm lo. Cả nước chỉ có một vài trường hoặc lớp mẫu giáo tư thục. Ở Hà Nội có lớp mẫu giáo đặt ở trường Lyxe Albert Srraut để dạy con em người Pháp và những gia đình người Việt Nam có quyền thế; trường mẫu giáo bán trú Bách Thảo nuôi dạy chủ yếu là con em nhà khá giả (trẻ đến trường từ sáng thứ hai đến chiều thứ bảy). Ở Huế có vài lớp mẫu giáo ở trường nữ học tư thục Jeanne d'Are do Thiên chúa giáo QL, trẻ đến đây ngoài việc học chữ còn học giáo lí.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, tuy còn gặp vô vàn những khó khăn nhưng Sắc lệnh số 146/SL ngày 10/8/1946 có ghi "Bậc học ấu trĩ nhận GD trẻ dưới 7 tuổi và sẽ tổ chức tùy theo điều kiện do Bộ quốc gia GD ấn định sau".

Ở miền Bắc, phong trào mẫu giáo ngày càng phát triển, đến tháng 9/1962, Phòng mẫu giáo Bộ GD được chính thức thành lập. Mỗi tỉnh có 1-2 cán bộ chỉ đạo phong trào, ở huyện có cán bộ theo dõi mẫu giáo. Tổ mẫu giáo Bộ GD gấp rút biên soạn các tập bài hát, trò chơi, chuyện kể, dịch chương trình GD mẫu giáo của Liên Xô, Trung Quốc để tham khảo, tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm chỉ đạo GD mẫu giáo ở cơ quan, xí nghiệp cho một số tỉnh trọng điểm. Phong trào lan rộng ở nhiều tỉnh, thành phố. Ngày 22/9/1964, Bộ GD chính thức thành lập Trường Sư phạm mẫu giáo Trung ương. Công việc ĐT bắt đầu đi vào nề nếp, chương trình ĐT dần được hoàn chỉnh, chính quy hơn. Các tỉnh cũng bắt đầu tổ chức các lớp huấn luyện để ĐT và

bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu phát triển mẫu giáo ở cơ sở.

Ở miền Nam, dưới thời Mĩ - Ngụy các trường lớp mẫu giáo phát triển dưới nhiều hình thức: mẫu giáo của tôn giáo, mẫu giáo của các tổ chức xã hội, mẫu giáo tư nhân, kí nhi viện, cô nhi viện.

Sau 1975, Việt Nam thống nhất, sự nghiệp GDMN ngày càng được Đảng và Nhà nước quan tâm, được thể chế hoá thông qua các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ngày 19/9/1990, Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ra Quyết định số 1295/QĐ ban hành quy chế nhóm trẻ gia đình, lớp mẫu giáo gia đình, nhà trẻ dân lập và trường mẫu giáo dân lập. Ngày 2/6/1994, Bộ trưởng ra Quyết định số 1447/GD&ĐT ban hành Quy chế trường lớp MN tư thục. Tính đến năm 1995, đã có 32 tỉnh thành mở các trường MN tư thục. Ở các trường lớp MN tư thục đang đi vào thực hiện quy chế có nề nếp, một số lớn các trường đã có quyết định thành lập đều chịu sự chỉ đạo về chuyên môn, kiểm tra thanh tra của ngành GD; giáo viên tham gia sinh hoạt chuyên môn và các hoạt động khác như ở các loại hình trường lớp MN.

Đặc biệt từ khi "đổi mới", quan điểm và các chương trình hành động về xã hội hóa GD, phát triển GDMN ngoài công lập của Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng có nhiều điểm nổi bật. Nghị quyết TW 2 khóa VIII chỉ rõ: "giữ vai trò nòng cốt của các trường công lập đi đôi với đa dạng hóa các loại hình GD-ĐT", "phát triển các trường bán công, dân lập ở những nơi có điều kiện, từng bước mở các trường tư thục ở một số bậc học như MN, trung học". Theo báo cáo do Ủy ban Văn hóa, GD thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội công bố tại Hội nghị tham vấn chuyên gia về thực hiện chính sách GDMN (14/9/2014, Hà Nội) thì: "Năm học 2013-2014, cả nước đã có trên 14.000 trường MN, tăng gần 400 trường so với năm học 2012-2013, tăng trên 1.200 trường so với năm học 2009-2010. Tổng số nhóm trẻ và lớp mẫu giáo là trên 175.000 nhóm, lớp, trong đó có trên 18.200 nhóm trẻ và lớp mẫu giáo độc lập. Số trường MN công lập hiện có là 12.400 trường, chiếm đến 87,8% tổng số trường. Loại hình dân lập và tư thục có trên 1.700 trường, chiếm tỉ lệ là 12,2%. Bên cạnh số ít tỉnh, thành phố phát triển khá mạnh loại hình trường ngoài công lập như Đà Nẵng (58,86%), Bình Dương (58,23%), TP. Hồ Chí Minh (trên 54%), tỉ lệ trường MN ngoài công lập ở hầu hết các tỉnh, thành phố còn lại đạt rất thấp (vùng núi phía Bắc bình quân đạt 2,71%, vùng Đồng bằng Bắc bộ là 4,14%).

*(Xem tiếp trang 127)*

khó khăn, điều chỉnh những lỗi sai mà trẻ mắc phải và cho trẻ thực hiện nhiều lần để trẻ nhớ và thực hiện đúng. Trong quá trình trẻ thực hiện, GV không nên làm giúp trẻ mà cần tạo điều kiện để trẻ có thể tự giải quyết cùng với sự hướng dẫn của cô. GV có thể tuyên dương, khen thưởng đối với những trẻ thực sự cố gắng, nỗ lực cao trong quá trình hoạt động.

**3.4.3. Điều kiện thực hiện.** GV cần có KN quan sát, theo dõi, bao quát trẻ và phát hiện ra những lỗi sai mà trẻ mắc phải. Không nóng vội trong quá trình tổ chức hoạt động và không bắt ép hoặc quát mắng trẻ khi trẻ chưa làm được. GV cần nắm được đặc điểm tâm sinh lí của từng trẻ để có những cách xử lí khác nhau sao cho phù hợp. GV cần trau dồi KN xử lí các tình huống sư phạm và nhẹ nhàng uốn nắn, sửa sai cho trẻ. Đối với những trẻ thường xuyên mắc lỗi, GV không nóng vội hoặc yêu cầu trẻ sửa đi sửa lại nhiều lần sẽ làm trẻ cảm thấy sợ hãi, trong quá trình sửa sai GV cần động viên khuyến khích trẻ nhiều hơn để trẻ không cảm thấy chán nản hoặc có tâm lí tiêu cực.

\*\*\*

Có thể nói, KNVĐT được hình thành từ khá sớm và có vai trò đặc biệt quan trọng đối với trẻ lứa tuổi mầm non. Chính vì vậy, trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ, GV cần nhận thức được vai trò của KNVĐT để có những biện pháp phù hợp nhằm phát triển KN quan trọng này. Muốn vậy, mỗi GV cần trau dồi kiến thức, kinh nghiệm, luôn tìm tòi, học hỏi và sáng tạo trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm phát triển KNVĐT cho trẻ, làm tiền đề để trẻ phát triển toàn diện và đủ năng lực để có thể khám phá thế giới rộng lớn xung quanh mình. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Phê (2000). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- [2] Vũ Dũng (chủ biên) (2000). *Từ điển Tâm lí học*. NXB Khoa học Xã hội.
- [3] A.G. Covaliop (1971). *Tâm lí học cá nhân* (tập 2). NXB Giáo dục.
- [4] A.P. Pixconov (1976). *Về kĩ năng sư phạm*. NXB Giáo dục.
- [5] Đặng Hồng Phương (2013). *Phương pháp hình thành kĩ năng vận động cho trẻ mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Tạ Ngọc Thanh (2009). *Đánh giá và kích thích sự phát triển của trẻ 3-6 tuổi*. NXB Giáo dục Việt Nam.

## Mô hình nhóm trẻ gia đình...

(Tiếp theo trang 122)

Đã có rất nhiều văn bản chính sách được ra đời và thực thi như Chỉ thị số 18/2001/CT-TTg, Quyết định số 39/2001/QĐ-BGDĐT, Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg... Ngày 25/5/2006, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2006/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập. Nghị định đã đề cập đến các chính sách khuyến khích nhằm đẩy mạnh phát triển các loại hình ngoài công lập, đồng thời tập cơ sở pháp lí cho các trường lớp MN ngoài công lập phát triển như: các chính sách tạo điều kiện về cơ sở vật chất và đất đai; các chính sách miễn giảm về thuế, phí, lệ phí; chế độ ưu đãi tín dụng đầu tư phát triển...

#### 4. Kết luận

Từ những số liệu nêu trên, chúng ta nhận thấy rằng mô hình nhóm trẻ gia đình giữ một vị trí quan trọng trong hệ thống GDMN ở Việt Nam. Mô hình nhóm trẻ gia đình chủ yếu đáp ứng nhu cầu gửi trẻ từ 3 đến 24 tháng tuổi - lứa tuổi mà các loại hình trường MN khác không đáp ứng được. Sự phát triển nhanh, mạnh về số lượng các trường MN ngoài công lập (trong đó có nhóm trẻ gia đình) là điều tất yếu nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Công tác QL nhà nước đối với loại hình đã được thể hiện ở nhiều văn bản, chính sách nhưng

chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Có những chính sách mà các quốc gia khác làm được nhưng Việt Nam chưa thực hiện, ví dụ như biện pháp hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động cho nhóm trẻ gia đình, tạo điều kiện đầu tư cơ sở vật chất của nhà trường, có các chế tài hiệu quả... Chúng ta cần nhanh chóng nghiên cứu và triển khai các biện pháp QL nhà nước đối với mô hình nhóm trẻ gia đình tại Việt Nam. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2008). *Điều lệ trường mầm non*.
- [2] Ủy ban Văn hóa, Giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội (2014). *Kiểm yếu hội nghị tham vấn chuyên gia về thực hiện chính sách giáo dục mầm non ngày 14/9/2014*, Hà Nội.
- [3] Vũ Ngọc Hải (2002). *Một số vấn đề hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục nước ta trong thời kì công nghiệp hóa - hiện đại hóa*. Tạp chí Phát triển Giáo dục, số 5/2002.
- [4] Bùi Minh Hiền (2004). *Lịch sử giáo dục Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm
- [5] Lê Xuân Hồng (2008). *Hoạt động của các loại hình trường mầm non ngoài công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh: thực trạng, hiệu quả và tiềm năng*. Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh.
- [6] Đặng Bá Lâm (chủ biên, 2005). *Quản lí nhà nước về giáo dục, lí luận và thực tiễn*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [7] Phạm Thị Châu - Nguyễn Thị Oanh - Trần Thị Sinh (2008). *Giáo dục học mầm non*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.